

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 115/2017/HSST
Ngày 18-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Khoa
2. Ông Đỗ Huy Hoàng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng
xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 129/2017/HSST ngày 01 tháng 9
năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Trần Hoài N (tên gọi khác: X), sinh năm 1992 tại Hải Phòng; trú tại: A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; con ông Trần Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1974; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự: 01 tiền sự (Ngày 10/5/2017, Tổ công tác tập trung người lang thang thành phố Hải Phòng bàn giao Trần Hoài N vào Trường Lao động xã hội Thanh Xuân theo diện gom để cai nghiện tập trung); bị bắt, tạm giam từ ngày 25/5/2017. Có mặt.

2. Đồng Xuân T, sinh năm 1987 tại Hải Phòng; trú tại: Số 16/181 đường D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông Đồng Xuân H và bà Phạm Thị T1 (đều đã chết); có vợ là Trần Thị G, sinh năm 1983; có 04 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; ra đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 19/5/2017 đến ngày 25/5/2017 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Những người bị hại:

- Chị Phạm Thị T2, sinh năm 1991; trú tại: Số 52/47 đường I, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Chị Bùi Thị Thu H1, sinh năm 1986; trú tại: Số 6/207 O, phường P, quận L, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Hoài N và Đồng Xuân T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 13 giờ ngày 21/4/2017, Trần Hoài N đi bộ trong khu vực ngách 52 ngõ 47 phố I, phường K, quận L, Hải Phòng với mục đích tìm tài sản sơ hở để lấy trộm. N phát hiện sân nhà số 2 của chị Phạm Thị T2 có dựng xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode Biển kiểm soát 15G1-325.30 vẫn cắm chìa khóa, liền dắt lùi xe ra đầu ngách 52 rồi nổ máy phóng đi. Trên đường đi, N mở cốp xe thấy có 01 CMND, 02 thẻ ngân hàng, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm và 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Phạm Thị T2. N cất các giấy tờ này và tháo Biển kiểm soát xe cất vào 01 túi ni lông, mang đến quán điện tử số 128 Tôn Đức Thắng giấu vào gầm bàn máy số 5-6 không cho ai biết. N gọi điện cho Phạm Công T3 (sinh năm 1980, trú tại số 3/65 Q, phường P, quận L, Hải Phòng) nhờ bán xe hộ. T3 gọi cho Đồng Xuân T thì T đồng ý mua và hẹn đến nhà. N đi xe Honda SH mode lấy được đến đón T3 và cùng T3 đến nhà T. T3 đứng ngoài cửa còn N vào nhà T thỏa thuận thống nhất bán xe cho T với giá 12.500.000 đồng, T trả trước 7.500.000 đồng, số tiền còn lại đến 23 giờ cùng ngày N và T3 đến nhà T lấy.

Sau khi bán được xe, N về quán điện tử lấy túi ni lông đựng giấy tờ và Biển kiểm soát 15G1-325.30 mang đến nhà Nguyễn Anh H2 (sinh năm 1992; trú tại Mặt bằng A9 R, phường S, quận V, Hải Phòng) nói với H2 về việc đã lấy trộm xe, đồng thời nhờ H2 làm giả bộ giấy tờ xe SH mode. Do H2 từ chối nên N để túi đồ vào góc nhà H2. Ngày 22/5/2017 H2 đã giao nộp toàn bộ giấy tờ cùng Biển kiểm soát xe cho Cơ quan điều tra.

Vụ thứ hai:

Khoảng 07 giờ 15' ngày 25/4/2017, N mang theo vạm phá khóa đi bộ vào ngõ 207 O, phường P, quận L, Hải Phòng tìm bạn tên Sơn. Khi ngang qua nhà số 6/9/207 O thấy chiếc xe Air Blade Biển kiểm soát 15B1- 518.03 của chị Bùi Thị Thu H1 dựng ở cửa nhà, không người trông coi, N dùng vạm phá ổ khóa điện rồi nổ máy điều khiển xe theo hướng P, cầu Quay, D để lên nhà T. Trên đường đi, N điện thoại cho T gạ bán xe Air Blade vừa lấy được. T đồng ý và hẹn gặp N tại khu vực cuối ngõ 181 D (gần nhà T). Sau khi gọi cho T, N gọi cho Phạm Công T3 và bạn gái N là Vũ Thị Huyền T4 đến khu vực ngã ba E, quận F đón N. Tại khu vực ngõ 181 D, T thỏa thuận mua xe Air Blade của N vừa lấy trộm với giá 4.000.000 đồng, T trả trước 3.000.000 đồng còn nợ lại 1.000.000 đồng. Sau khi bán được xe, N ra ngã ba E rồi cùng T4 và T3 đi taxi về, số tiền bán xe N đã ăn tiêu hết.

Sau khi mua được xe, T thay Biển kiểm soát 15B1- 518.03 của xe Air Blade vào xe Sh Mode và mang 02 xe về nhà bố vợ là ông Trần Văn T5 ở thôn Bắc, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cất giấu.

Ngày 19/5/2017, Đồng Xuân T đến Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng đầu thú và giao nộp 02 xe mô tô mua của N gồm: 01 xe SH mode mang Biển kiểm soát 15B1- 518.03, 01 xe Air Blade, không có Biển kiểm soát. Đồng thời T khai mặc dù biết 02 xe mô tô trên do N phạm tội mà có nhưng vì hám rẻ và có nhu cầu mua xe nên T vẫn mua.

Theo Kết luận định giá tài sản số 06 ngày 19/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản UBND quận L thì xe mô tô SH Mode của chị Phạm Thị T2 có trị giá 38 triệu đồng, xe mô tô Air Blade của chị Bùi Thị Thu H1 trị giá 28 triệu đồng.

Tại bản Cáo trạng số 129/CT-VKS-P3 ngày 31 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Trần Hoài N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Đồng Xuân T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm c khoản 2 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Hoài N.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Đồng Xuân T.

Xử phạt:

Trần Hoài N: Từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

Đồng Xuân T: Từ 9 tháng đến 15 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về thu lợi bất chính và bồi thường dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo; ý kiến của người bị hại, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hoài N và Đồng Xuân T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, phù hợp với Kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 21/4/2017 và ngày 24/4/2017, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Phạm Thị T2 và chị Bùi Thị Thu H1; Trần Hoài N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, BKS: 15G1-325.30 và xe mô tô Honda Air Blade, BKS: 15B1 – 518.03, có tổng giá trị 66.000.000 đồng. Bị cáo Đồng Xuân T biết 02 chiếc xe mô tô trên do bị cáo N phạm tội mà có nhưng vì hám rẻ nên vẫn mua.

Do đó, hành vi của bị cáo Trần Hoài N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 138 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đồng Xuân T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 250 Bộ luật Hình sự

Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo N đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của bị cáo T đã xâm phạm an toàn, trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội vì vậy cần phải xử lý nghiêm.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Đối với tội “Trộm cắp tài sản”: Tổng giá trị tài sản bị cáo N trộm cắp là 66.000.000 đồng nên bị cáo bị xét xử theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Đối với tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”: Tài sản phạm pháp bị cáo T mua có giá trị 66.000.000 đồng, đây là tài sản có giá trị lớn nên bị cáo bị xét xử theo điểm c khoản 2 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt đối với bị cáo:

Các bị cáo đều đã có tiền án, mặc dù đã được xóa nhưng không được xem là có nhân thân tốt.

Song cũng xét, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T ra đầu thú và đã giao nộp lại 2 chiếc xe bị trộm cắp; bố bị cáo T là thương binh; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với 2 bị cáo; áp dụng thêm điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T.

Đối chiếu với các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, hành vi của bị cáo Đồng Xuân T chỉ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự với khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm tù. Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14, theo hướng có lợi cho bị cáo, cần xét xử bị cáo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm c khoản 2 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 nhưng áp dụng tinh thần, đường lối

theo Bộ luật Hình sự năm 2015 chỉ xử phạt các bị cáo ở trong khung hình phạt tương ứng với khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về bồi thường dân sự: Những người bị hại chị Phạm Thị T2 và Bùi Thị Thu H1 đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về thu lợi bất chính: Bị cáo N bán xe trộm cắp được cho bị cáo T, được hưởng lợi số tiền: $12.500.000 + 3.000.000 = 15.500.000$ đồng. Đây là tiền thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo N phải nộp lại số tiền này.

Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Hoài N (tức X)** phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo **Đồng Xuân T** phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Hoài N

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Đồng Xuân T.

Xử phạt:

Trần Hoài N (tức X): 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/5/2017.

Đồng Xuân T: 9 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ cho bị cáo các ngày bị tạm giữ (từ ngày 19/5/2017 đến ngày 25/5/2017)

2. *Về thu lợi bất chính:* Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Trần Hoài N phải nộp lại số tiền 15.500.000 (*Mười lăm triệu năm trăm nghìn*) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bị cáo Trần Hoài N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. *Về án phí:* Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo đối với Bản án:* Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người bị hại (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND TP.HP;
- Công an thành phố HP;
- Thi hành án TPHP; Sở tư pháp;
- Bị cáo; Trại tạm giam Công an TPHP;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hà